

TU TƯỞNG SINH THÁI PHẬT GIÁO TRONG TRUYỆN NGẮN NAM BỘ ĐẦU THẾ KỶ XXI

Bùi Thanh Truyền¹, Hoàng Thị Tú Anh²

^{1,2} Trường Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh

²Email: tuanhsp1511@gmail.com

Ngày nhận bài: 28/5/2019; Ngày duyệt đăng: 13/2/2020

Tóm tắt

Văn học thế kỷ XXI phản ánh nhiều vấn đề của đời sống, trong đó có vấn đề môi trường. Bắt nhịp nhanh với điều ấy, truyện ngắn Nam Bộ đầu thế kỷ XXI cũng chọn cho mình “lối viết sinh thái” nhưng có dấu ấn, màu sắc Phật giáo. Bài viết đề cập đến mối quan hệ giữa Phật giáo và sinh thái, từ đó phác thảo lên bức tranh đa dạng với nhiều mảng màu thể hiện tư tưởng sinh thái Phật giáo phương Nam. Chính tinh thần nhân văn đã giúp cho những sáng tác này tác động mạnh mẽ đến tâm thức con người, nói lên tiếng nói góp phần bảo vệ trái đất chúng ta.

Từ khóa: môi trường, Phật giáo, sinh thái, thế kỷ XXI, truyện ngắn Nam Bộ.

Buddhist ecology thoughts in the Southern’s short stories of the early 21st century

Abstract

Literature of the 21st century reflects many issues of life, including environmental issues. Southern’s short stories in the early twenty-first century catch up with environmental issues and chose the “ecological writing style” with Buddhist marks. The article discusses the relationship between Buddhism and ecology, thereby drawing up a diverse picture with many colors representing the Southern Buddhist ecology ideology. It is the human spirit that makes these compositions strongly impact the human mind, speaking out to contribute to protecting our Earth.

Keywords: environment, Buddhism, ecology, 21st century, short stories of Southern Vietnam.

1. Mở đầu

Năm 2015 tại Paris (Pháp), các nhà lãnh đạo tôn giáo tại Hội nghị Liên Hợp quốc về biến đổi khí hậu đã cùng nhau thỏa thuận và đã ra Bản tuyên bố chung cho hành động liên chính phủ về biến đổi khí hậu. Hoạt động này đã kết hợp hơn 10.000 nhà

nhà lãnh đạo từ 73 quốc gia và 50 đức tin để đối phó với biến đổi khí hậu (Đỗ Lan Hiền, 2018). Quả thật, các vấn đề môi trường đang diễn ra từng ngày từng giờ đã khiến cho các quốc gia, các tổ chức tôn giáo không thể thờ ơ. Sự hợp tác giữa các tôn giáo đã tạo ra một nguồn lực vô cùng to lớn để bảo vệ sự sống của thiên nhiên, của con

người trên Trái đất này. Trong những nỗ lực đáng ghi nhận đó, Phật giáo cũng góp cho mình một tiếng nói mạnh mẽ đối với vấn đề môi trường.

Văn học không nằm ngoài sự vận động, phát triển của đời sống, thậm chí đôi khi đó còn là sự phản ánh cực kỳ nhanh nhạy và thấu suốt mọi lẽ. Cũng như mọi vùng đất khác, Nam Bộ không thể nằm ngoài ảnh hưởng của sự biến đổi khí hậu đang ngày càng gia tăng một cách nhanh chóng và phức tạp hơn. Nó tác động mạnh mẽ đến đời sống của con người, và nhà văn vùng đất này tất yếu phải “lên tiếng” bằng ngòi bút để thức tỉnh cộng đồng cùng chung tay bảo vệ môi sinh. Đó là một kiểu của “sinh thái học tinh thần” vì “*cứu văn hệ sinh thái và tính bền vững của nó nhất thiết phải phụ thuộc vào nhận thức tâm linh và tinh thần, thái độ, trách nhiệm của mỗi người*” (Bùi Thanh Truyền, 2018: 161). Trong nỗ lực đó của văn chương phương Nam, truyện ngắn cũng góp phần thể hiện tiếng nói riêng của mình – với một dấu ấn sinh thái mang tư tưởng của Phật giáo.

Trong khuôn khổ một bài viết nhỏ, chúng tôi xác định đối tượng nghiên cứu là những truyện ngắn mang tinh thần sinh thái Phật giáo, nghĩa là có sự đan xen giữa sinh thái và Phật giáo, chú trọng thể hiện quan điểm của Phật giáo về sinh thái, môi trường trong văn học. Đó là những truyện ngắn của Trần Bảo Định, Võ Diệu Thanh, Lê Minh Nhựt, Nguyễn Ngọc Tư sáng tác với khoảng thời gian đầu thế kỷ XXI. Tất nhiên, sự thể hiện tư tưởng sinh thái Phật giáo là tùy thuộc vào từng truyện ngắn, từng tác giả nên mức độ đậm nhạt sẽ khác nhau, nhờ đó mà sự đa dạng cũng được nổi rõ hơn rất nhiều.

Ngoài việc kết hợp phương pháp phân

tích truyền thống, bài viết còn sử dụng khung nghiên cứu tôn giáo của Smart (1998), trong công trình *The World's Religions*, Smart đã đề xuất sự nghiên cứu tôn giáo dựa trên bảy chiều kích bao gồm: Khía cạnh thực hành và nghi lễ (The Practical and Ritual Dimension); Khía cạnh trải nghiệm và cảm xúc (The Experiential and Emotional Dimension); Khía cạnh truyền thuyết hoặc huyền thoại (The Narrative or Mythic Dimension); Khía cạnh giáo lý và triết học (The Doctrinal and Philosophical Dimension); Khía cạnh đạo đức và luật lệ (The Ethical and Legal Dimension); Khía cạnh xã hội và thể chế (The Social and Institutional Dimension) và Khía cạnh hữu hình (The Material Dimension). Tiếp cận với nhiều chiều kích như thế, tôn giáo được nhìn một cách rõ ràng và cụ thể hơn, mỗi người đều có thể lựa chọn một chiều kích tôn giáo nào đó phù hợp với mình. Với Phật giáo, trong công trình *Dẫn luận về Phật giáo*, (Keown, 2013; Thái An dịch, 2016) cũng đã nhắc đến và sử dụng cách tiếp cận về tôn giáo này của Ninian Smart. Vì thế chúng tôi cho rằng cũng có thể kết hợp lý thuyết của Ninian Smart khi nghiên cứu về truyện ngắn Nam Bộ đầu thế kỷ XXI, ở khía cạnh đạo đức và luật lệ vì Phật giáo đề cao nguyên lý không gây hại, đặc biệt nền đạo đức căn bản của Phật giáo là sự thực hành năm giới của Phật giáo. Nếu người tu hành ăn chay, chọn lối sống cho mình lối sống phi bạo lực thì những người khác không theo Phật giáo vẫn có thể thực hành năm giới này, thể hiện sự yêu mến và tôn trọng tự nhiên vì “*Nếu chúng ta hiểu rằng con người và thiên nhiên không thể tách rời nhau thì ta sẽ biết cách đối xử với thiên nhiên như đối xử với chính bản thân mình, với tất cả sự cẩn trọng nhẹ*

nhàng, với tất cả tình thương yêu, không có sự bạo động” (Thích Nhất Hạnh, 2010: 62).

2. Lương duyên giữa tư tưởng Phật giáo và sinh thái

Một trong những tư tưởng cốt lõi của Phật giáo đó là thuyết “Duyên khởi”. Mọi sự hiện hữu trên thế giới đều là kết hợp của rất nhiều nhân duyên, các nhân duyên không thể tồn tại độc lập mà luôn phải nương tựa vào nhau hình thành mối quan hệ tương hỗ lẫn nhau. Do đó, mối quan hệ nhân quả được thiết lập. Kinh Phật có viết “*Cái này có nên cái kia có, cái này sinh nên cái kia sinh... cái này không nên cái kia không, cái này diệt nên cái kia diệt*” (Thích Đức Thắng, 1993: 262). Đối với môi trường, Phật giáo cũng có quan điểm tương tự khi nhìn mọi sự vật trong tương quan chính thể, mạng lưới các quan hệ tạo thành và bao quanh sự vật, con người, trong đó “*Giữa con người với giới tự nhiên có sự tương nhập lẫn nhau, cùng tác động lẫn nhau. Vòng sinh vật là một chỉnh thể không thể chia cắt được, tỷ lệ cân đối, động thái có trật tự; con người nương giới tự nhiên để sinh tồn, giới tự nhiên là “thân thể” vô cơ của con người*” (Thích Nhuận Đạt, 2010: 9).

Thuyết “Duyên khởi” cũng cho thấy sự bình đẳng giữa con người và vạn vật, và “vạn vật giai hữu Phật tính” (Vạn vật đều có Phật tính). Cây cỏ, chim muông có đời sống riêng của nó, và chúng có giá trị, đứng ngang bằng với con người. Con người yêu quý sinh mạng mình, thì cũng biết rằng tự nhiên có sinh mệnh của nó. Kinh Pháp cú, bài kệ số 49 (Thích Minh Châu, 1999: 74) có ghi lại lời dạy của Đức Phật cho các đệ tử của Ngài khi bước xuống sống giữa cuộc đời:

“Nhu ong đến với hoa

*Không hại sắc và hương
Che chở hoa lấy nhụy
Bạc Thánh đi vào làng”.*

Nhấn mạnh đến sự bình đẳng giữa con người và chúng sinh, Phật giáo cũng nói đến “*Vật ngã nhất như*” (Mọi vật với ta như một), “*Ái vật hộ sinh*” (Yêu và bảo vệ sinh mạng của vạn vật), “*Phá chấp ngã, đoạn tham dục*” (Bỏ chấp ngã, trừ tham dục). Phật cũng dạy: “*Trồng cây cho ta bóng mát, ngoài việc thanh lọc không khí, nó còn bảo tồn trái đất, đó là điều lợi lạc cho tất cả mọi người và cho cả bản thân ta*” (Thích Minh Châu, 1996). Những chủ trương này đã làm cho tư tưởng sinh thái Phật giáo có những điểm tựa vững chắc, đem đến những giá trị nhất định cho việc giáo dục đạo đức môi trường. Phật giáo (một tư tưởng phương Đông) và những vấn đề sinh thái (vốn bắt nguồn và đề ra từ phương Tây) tưởng như xa cách nhau nhưng thực ra xích lại gần nhau cũng bởi đều hướng đến tinh thần nhân văn, bình đẳng.

Có một thông tin khá thú vị đó là trên thực tế, những nhà sư cũng đã bắt đầu có những hành động để thức tỉnh cộng đồng thay đổi vì môi trường. Các nhà sư ở miền Bắc Thái Lan đã thực hiện nhiều nghi thức “quy y” đặc biệt cho cây. Theo đó, những cây nào nhận được nghi thức quy y, sẽ được các sư quán quanh thân cây một tấm vải màu vàng, như chiếc y của các sư theo truyền thống Nam tông tại đây như “*một cách giúp chúng trở nên thiêng liêng và bảo vệ chúng khỏi những mối đe dọa, hủy hoại và tàn phá từ con người*” (Giao Hảo, 2018: 17). Darlington (2013), Giáo sư ngành Nhân chủng học và Nghiên cứu châu Á tại trường Cao đẳng Hampshire ở Massachusetts, tác giả cuốn *Quy y cho cây: Phong trào môi trường của Phật giáo Thái*

(*The Ordination of a Tree: The Thai Buddhist Environmental Movement*) đã lý giải về việc làm này: “*Tạo công đức là điều cực kỳ quan trọng đối với Phật tử Thái Lan. Vì vậy, việc họ nhìn thấy những cái cây được quy y kia như một cách để tạo công đức phước báo, giúp cho đời sau có cuộc sống tốt đẹp hơn*” (Giao Hào, 2018: 18). Đi xa hơn thế, đó cũng là những hành động tôn trọng tự nhiên vì vạn vật đều có Phật tính.

3. Tinh thần sinh thái đậm Phật tính trong truyện ngắn phương Nam đương đại

Mối quan hệ giữa thiên nhiên và con người đã được phản ánh trong văn học dân gian và văn học trung đại. Đó là tình yêu thiên nhiên, sự trân trọng từng cành cây ngọn cỏ, từng tiếng cá đớp nước hay ngọn gió nhẹ trong lành đêm trăng, đó là sự tìm về và xem thiên nhiên là bầu bạn... Tuy vậy, những sáng tác thực sự mang ý thức sinh thái như trong văn học đương thời hiện bộc lộ rõ tinh thần xem con người là trung tâm, tự nhiên chỉ là “ngoại vật”, được quan sát, chiếm lĩnh, gá gởi nỗi lòng, chưa thực sự “*lấy lợi ích chính thể của hệ thống sinh thái làm giá trị cao nhất để khảo sát và biểu hiện mối quan hệ giữa con người với tự nhiên và truy tìm nguồn gốc xã hội của quy cơ sinh thái*” (Vương Nặc, 2003: 11).

Từ năm 1986, trong truyện ngắn *Muối của rừng*, Nguyễn Huy Thiệp đã thể hiện khá thành công tư tưởng sinh thái. Truyện kể lại chuyến đi săn của ông Diều vào mùa xuân, khi mà “*Cây cối đều nhú lộc non. Rừng xanh ngắt và ẩm ướt. Thiên nhiên vừa trang trọng vừa tình cảm*”. Ông đã cố gắng giết cho bằng được con khỉ để thỏa mãn thú vui săn bắn của mình, nhưng sau lại mũi lòng, cứu sống nó và cuối cùng đã “phóng sinh” cho con vật. Ở đoạn cuối truyện, tác giả miêu tả những bông hoa tử huyền nở

tuyệt đẹp và nhân vật xuống núi trong mưa xuân dịu dàng. Phật giáo cho rằng phải “*đoạn chấp ngã, trừ tham dục*” (phá chấp ngã, trừ lòng tham). Con người phá bỏ đi lòng tham của mình (một trong những nguyên nhân gây ra nỗi khổ) cũng đem lại niềm vui, sự an yên cho chính bản thân họ và cũng là việc giúp họ đến gần hơn người mẹ thiên nhiên, môi trường.

Như một bản hòa ca, những trang văn sinh thái có sức hấp dẫn đặc biệt có lẽ vì nó tạo được sự hô ứng, đồng vọng. Trong văn học phương Nam, từ những trang viết về thiên nhiên, môi trường của lớp nhà văn thế hệ trước như Sơn Nam, Đoàn Giỏi, Trang Thế Hy... đến những sáng tác của Nguyễn Trí, Trần Bảo Định, Nguyễn Ngọc Tư, Võ Diệu Thanh, Lê Minh Nhựt... là cả một quá trình dài với những sự thay đổi mang tinh thần thời đại. Không còn là những lời nói “sám hối” nhẹ nhàng như lời của cụ Lục chùa Sóc Ven (*Hương rừng Cà Mau – Sơn Nam*): “*Mình có lỗi với đất với nước. Đất và nước cho mình tất cả cuộc sống, mà mình lại làm nhiều điều không phải với đất, với nước*”, truyện ngắn Nam Bộ đầu thế kỷ XXI đã gióng lên lời cảnh báo về hậu quả nhãn tiền đến từ những hành động con người gây ra cho thiên nhiên như nạn chặt phá rừng, tận diệt thủy hải sản, đô thị hóa nông thôn nửa vời... Tiếng nói mạnh mẽ ấy như một hồi chuông cảnh tỉnh đầy thống thiết cho con người phương Nam nói riêng, cho nhân loại nói chung.

3.1. Sự lên tiếng của môi trường tự nhiên

Truyện ngắn Nam Bộ đầu thế kỷ XXI đã lên tiếng rống riết về những vấn đề của môi trường tự nhiên và đồng thời cũng là môi trường sống của con người. Lê Minh Nhựt – “*gã giang hồ vật*” xứ Cà Mau kể

hiều chuyện, nhỏ thôi nhưng nói lên biết bao điều. Đó là câu chuyện ở một xóm nhỏ trong truyện *Vũ điệu quét rác*: “*Mỗi con nước rằm hoặc ba mươi âm lịch, nước lớn tràn lên xâm xấp mặt hẻm lùa hẻm bà làng đủ loại rác rến mà người ta vẫn thường vô tư tuôn xuống sông nay chúng theo con nước trở vô nơi xuất phát. Một cách ăn miếng trả miếng của tự nhiên thật đáo để!*”. Đến khi nước rút, những người trong hẻm lại quét, lại hốt và đổ rác trở xuống con sông. Vòng luẩn quẩn đổ rác xuống sông – nước tràn đưa rác lên – lại đổ xuống sông được Lê Minh Nhật kể lại thật tinh tế và ngẫm trong đó phải chăng là sự cảnh tỉnh ý thức về môi trường sống của con người. Trong *Chuyện chẳng đi đến đâu*, nhân vật Phong thấy: “*Rác rười trên thế gian này hình như đều tập trung đổ về con kinh trước mặt, vùn vụt trôi qua như trên người*” mà thực chất đó chính là những rác rưởi do triều cường lên làm con đường trước phòng trọ ngập đầy rác - những thứ do “*thời đại của chúng ta*”. Truyện *Quán bánh xèo ở bìa rừng tràm* lại như băng quơ mà nhắc đến một câu chuyện khác: “*Mùa qua mùa, rừng bị đẩy lùi về phía xa, còn chỗ trước kia là rừng đã trở thành bìa rừng, thành ruộng nương, vườn tược, thành thổ cư, đất lập vườn... thành nhiều thứ khác nữa nhưng không phải là rừng như trước kia*”. Sự lên tiếng riết róng khi môi sinh tự nhiên bị phá hoại, thay vào đó là sự xâm lấn của con người đã làm cho chính con người, tuy được cái lợi trước mắt là tiền nhưng rồi sau đó chính họ sẽ phải gánh lấy hậu quả. Tự nhiên đang nổi giận, và con người sẽ thấy tiền không phải là tất cả. Hình như có sự đồng cảm trong đó với những câu cách ngôn của người da đỏ Cree đã nói từ hàng ngàn năm trước:

*“Chỉ sau khi cái cây cuối cùng bị đốn xuống,
Chỉ sau khi dòng sông cuối cùng bị nhiễm độc,
Chỉ sau khi con cá cuối cùng bị đánh bắt.
Thì chúng ta mới biết được rằng chúng ta không thể ăn được tiền”*

(Thanh Phong dịch, 2015)

Trang văn Nguyễn Ngọc Tư là những câu hỏi về sự đô thị hóa nhanh chóng của nông thôn: “*Những cánh đồng trở thành đô thị, những cánh đồng ngoa ngoắt thay đổi vị của nước, từ ngọt sang mặn chát, [...]. Những cánh đồng đó, đã hút hủi cây lúa (và gián tiếp từ chối đàn vịt)*” (*Cánh đồng bắt tận*). Cuộc sống con người rồi sẽ ra sao khi họ dần đánh mất đi người bạn tốt là thiên nhiên? Có chăng những gì tốt đẹp nhất sẽ được lưu giữ ở Viện di sản thiên nhiên và con người, là nơi “*Anh đạo diễn phim sẽ tới đây để tham khảo những âm thanh của khu rừng nguyên sinh ngàn năm tuổi cho bộ phim mới. Tôi sẽ đưa cháu mình tới, chỉ cho chúng biết kia là chim sẻ, kia là núi...*”. Cũng là những chuyến đi, nhưng là đi vào rừng vì “*năm sau, người ta sẽ san phẳng chúng và trồng lên một khu công nghiệp lớn nhất nước. Chúng tôi được lừa tới đây, làm chuyên đề rừng, mong vớt vát được chút gì trước khi nó biến mất*” (*Khói trời lộng lẫy*). Thiên nhiên đã kêu cứu, con người đã nghe chưa?

3.2. Lời nhắc nhở về tôn trọng sinh mệnh của vạn vật

Được xem là một nhà văn sinh thái, Trần Bảo Định chọn cho mình một hướng đi riêng khi thâm đắm trong trang văn là những tư tưởng, giáo lý nhà Phật. “*Nét riêng của Trần Bảo Định có lẽ là sự kết hợp bước đầu chủ nghĩa nhân bản Phật giáo với*

chủ nghĩa nhân văn sinh thái. Thiên nhiên nuôi dưỡng và vun đắp Phật tánh nơi con người. Bông trái đậu chỉ chữa bệnh cho người mà còn bồi đắp tình yêu, tấm lòng thủy chung, tính hướng thiện ngay trong nghịch cảnh” (Huỳnh Như Phương, 2018: 273). Đó là những trái sầu riêng được *Cậu Năm* giữ lại để chín rụng theo lẽ tự nhiên, là lời cảnh báo: “Phá vỡ quy luật tự nhiên của trời đất, người tự rước họa vào mình. Vậy, mà rồi quay lại than trời trách đất!” (Sầu riêng chín rụng); những xót xa cho bông, cho trái cà na: “Con người thay thiên nhiên trồng cây cà na. Bông cà na bây giờ hoàn toàn thuộc về con người như hoàn toàn thuộc về cái chết. Con người nhân danh cà na, buộc cà na ra bông ra trái theo cách duy ý chí của mình. Quê tôi, cây cà na thiên nhiên đã mất tích theo từng mùa nước lũ đất sạt bờ sông” (Bông cà na quê nhà). Những gì của tự nhiên đã dần tan biến khi con người can thiệp đến chu trình ra hoa, kết trái, thúc ép trái chín bằng thuốc... Trang văn Trần Bảo Định là một sự xót xa, đau đáu, là lời nhắc nhở về con người trong mối quan hệ với tự nhiên. Gần gũi với thiên nhiên, con người trở nên hiền hòa hơn, dễ mến và biết yêu thương nhau nhiều hơn. Vẫn biết tiến bộ khoa học kỹ thuật đem lại nhiều lợi ích, nhưng phải biết dùng nó trong giới hạn cho phép và đôi khi con người cũng cần biết rằng: “Thiên nhiên cân bằng sinh thái trước khi cái ngã con người tự cho mình được quyền thay đổi” (Trần Bảo Định).

Võ Diệu Thanh trong truyện *Tiếng khóc của trăm năm* cũng kể về một người chồng mê cây kim quýt đến nỗi cạy tú lấy tiền của vợ, bỏ ra mười cây vàng để mua cho được cây kim quýt cổ thụ gần trăm năm tuổi. Bao sương gió không làm cây gục ngã,

vậy mà khi về với ông nó lại chết, chỉ vì: “Ông đang cầm cây kéo sửa kiếng trong tay. Đầu nghiêng nghiêng nhìn theo từng cái nhánh được cắt ngọt thả xuống đất”. Ông muốn uốn nó ra dáng “Đại bàng vượt bão” mà quên mất rằng cây cối cũng là một sinh thể, cần được sống một cách tự do. Nó đã kêu những tiếng kêu thảng thốt, tuyệt vọng, ông có nghe thấy không? “Dù có lúc người ta đốn nó trụ trơ, xô bật rễ trong mưa, phơi lụi tàn trong nắng, nó vẫn cố dành dụm từng giọt nhựa hiếm hoi để sinh tồn, để đến với ông”. Vậy mà “Ông đã giết nó bằng quá nhiều yêu thương”. Câu chuyện tuy ngắn nhưng đặt ra những vấn đề mang rất nhiều ý nghĩa. Nếu để cây tự sinh tồn trong tự nhiên, trải qua gió mưa bão bùng, cây sẽ tự thích ứng, uốn dáng cho phù hợp mà tránh dông bão. Vậy mà khi nó bị uốn dáng theo ý thích của con người, nó lại không thể sinh tồn được nữa. Xưa nay, con người xem và bắt thiên nhiên phục vụ các nhu cầu từ sinh tồn đến giải trí mà chưa nhìn nhận thiên nhiên như chính nó, tôn trọng và bảo vệ thiên nhiên. Quan điểm Phật giáo đã nói rõ từng cành cây ngọn cỏ, mỗi con vật dù bé hay lớn cũng là một sinh mệnh, cũng mang “Phật tính”. Cùng nhau sống trên Trái đất này, thiết nghĩ con người cũng nên tôn trọng tự nhiên hơn, bởi vì chỉ có sống hòa hợp cùng nhau mới mang đến sự bền vững lâu dài.

3.3. Trừ bỏ lòng tham vô độ của con người

Phật giáo cho rằng nguyên nhân của nỗi khổ đó là do Tham, Sân, Si. Đặc biệt, lòng tham khiến cho con người trở thành con người khác, cũng như có những hành động làm tổn hại thiên nhiên. Nói như nhà văn Trần Bảo Định trong truyện *Thần khẩu hại xác phàm*: “Thời hòa bình, không gì ngăn

nổi lòng tham và sự ham muốn vô độ của con người. Từ ăn no, mặc ấm; chuyển một cái rết qua ăn ngon, mặc sang thì, cái ăn đứng đầu tứ khoái có cơ mang gây biết bao điều hiểm họa”. Vậy nên con người tha hồ tận diệt, đó là con cá Hồ ngày càng hiếm vì “Động lòng tham, con người bắt chập như nhữn, dùng trí tuệ bắt và ăn thịt cá, những mong tăng sinh lực cho mình. Vì vậy, các loài cá Vàm Nao – trong đó có cá Hồ “tan đàn xẻ nghé”” (Đời cá Hồ); là câu hỏi nhưc nhữn: “Nói đi nói lại, con cồng hiến thân là thức ăn ngon miệng người là, mong được trả cái khẩu nghiệp thời làm ba đĩa. Con người ăn con cồng sứtnng cái lỗ miệng thì, mong hoán đổi nghiệp gì...Trời!?” (Thần khẩu hại xác phàm); là “Thú vật tu nhiều kiếp thành người. Khi thành người, thì người quay lại ăn tươi, nuốt sống đồng loại cũ của tiền kiếp xưa!” (Đuổi bóng). Phật giáo thường nói đến Tri túc (biết đủ) vì nếu chúng ta giữ được tâm “tri túc” thì mới có thể tìm được niềm vui và hạnh phúc lâu dài. Sự tham lam sẽ không bao giờ hết, con người ta thường biện minh để muốn được rồi lại được hơn nữa, trong khi theo lời của một thầy thuốc khi chữa bệnh tại một đạo viện trong Hành trình về phương Đông thì “hàng ngày mọi người chỉ bỏ ra một giờ để trông trọt các thực phẩm vẫn đủ kia mà. Ta dư ăn thì lại muốn ăn ngon, đủ sống thì lại muốn sống cho sang giàu, được giàu sang lại muốn giàu hơn nữa. Rồi ta lại ngụy biện rằng phải lo kiếm ăn” (Spalding (-); Nguyễn Phong dịch, 2015: 172).

Nguyễn Trí có một con đường đến với văn chương thật đặc biệt, vì bản thân ông đã từng kinh qua nhiều nghề: làm đồ tể, phu đào vàng, khai thác trầm hương... Chính những trải nghiệm cuộc đời đã cho tác giả một cái nhìn sâu sắc về sinh thái. Truyện của Nguyễn

Trí nói nhiều đến sự “xâm lấn” của con người vào không gian vốn là của thiên nhiên. “Motif quả báo, nghiệp báo là một âm hưởng chủ đạo trong những sáng tác về sinh thái của cây bút miền Đông Nam bộ này” (Bùi Thanh Truyền, 2018: 144). Con người vào rừng đào vàng, tìm đá quý, trầm hương, tận thu từ rừng và kết cục con người phải gánh lấy nhiều hậu quả nặng nề (truyện *Cầm giùm đi, Trầm hương, Tiền rừng...*). Vậy nên, họ phải biết trừ bỏ lòng tham của mình, vì “Rừng linh hiển lắm, không nghe ăn của rừng rưng rưng nước mắt sao?” (*Tiền rừng*).

Sự trả giá của Thiện trong truyện ngắn *Trên hàm ếch* (Võ Diệu Thanh) cũng là lời cảnh tỉnh cho lòng tham con người. Thiện giàu lên từ việc khai thác cát ở bờ sông, biệt thự xe hơi đều đến từ việc mua bán cát với ý nghĩ cho rằng “toàn cát vàng, hút hoài còn hoài, hút nhấp nháy đã đầy sà lan”. Thiện đến vùng đất Cây Dương để bàn bạc về chuyện bồi thường cho người ta khi Ngàn (người làm công) cho anh hút cát bị sạt lở. Câu chuyện kết thúc khi Ngàn vẫn chưa tìm được Thiện, trong khi Thiện vẫn nằm im trên đồng cát và chỉ nghe được tiếng Ngàn gọi mình qua điện thoại chứ không biết làm gì. Sự tàn phá vô độ đó của con người đã làm cho họ phải trả giá cho hành động của mình.

Đôi mắt là một truyện thú vị của Nguyễn Vĩnh Nguyên. Câu chuyện có hơi hướng kỳ ảo khi một nhân vật ăn thịt chó nhiều nên biến thành chó: “*Qua ánh đèn cao áp ban đêm lập lòe, tôi thấy người mình đầy lông, tôi không nói được, tôi tru tréo và toàn thân đầy ứ bản năng dục tình. Không! Không! – tôi gào lên và chính lúc ấy, chút ý thức người còn sót lại trong tôi, khiến tôi phải rụt mình, và trong chớp sáng cuối cùng*

của đầu óc mù mịt mê cuồng thú tính, tôi bứt chạy, chạy vào trời đêm, chạy trên những lối cỏ mù sương dưới trăng nhàn nhạt. Tiếng tôi tru len man đại vọng qua những khu vườn, vọng vào những ngôi nhà còn hiu hắt đèn đêm... Có một sự chuyển biến lớn mà tôi không cưỡng được: Tôi đã ở kiếp chó”. Câu chuyện kể về nhân vật tôi bị đổi từ kiếp người sang kiếp chó (theo Phật giáo là sự luân hồi trong sáu cảnh giới vì nghiệp của mình mang) và sự hóa hóa thân, đổi kiếp ấy tuy được bọc dưới lớp màn hoang đường nhưng thực sự là một lời nhắc nhở cho con người về sự tôn trọng thế giới tự nhiên.

Trong *Kinh Pháp cú*, bài kệ số 69 (Thích Minh Châu dịch, 1999: 95), Đức Phật đã dạy:

“Người ngu nghĩ là ngọt,
Khi ác chưa chín muối;
Ác nghiệp chín muối rồi,
Người ngu chịu khổ đau”.

Con người nên chăng cần điều chỉnh lại lối sống, bỏ bớt đi sự tham lam vô độ của mình để quay về sống hài hòa với tự nhiên, bởi con người cùng với tự nhiên là mắt xích quan trọng trong vũ trụ này.

4. Kết luận

“Từ quan điểm sinh thái, chính sự kiêu ngạo duy lý của con người trong thời đại “Thượng Đế đã chết” đã đem đến nhiều hệ lụy khủng khiếp” (Nguyễn Đăng Điệp, 2018: 7). Những hậu quả về môi trường sống của tự nhiên, của con người đều đến từ những hành động, việc làm do con người đã gây ra. Con người phải hiểu ra rằng: “Đất là mẹ. Điều gì xảy ra với đất đai tức là xảy ra đối với những đứa con của đất. Con người chưa biết làm tổ để sống, con người giản đơn là một sợi tơ trong cái tổ sống đó mà thôi. Điều gì con người làm cho tổ sống

đó, tức là làm cho chính mình” (*Bức thư của những thủ lĩnh da đỏ*) (Nguyễn Thị Tịnh Thy, 2017: 537 - 538) Điều đó cũng giống như quan điểm trong Phật giáo, nói như Thích Nhất Hạnh: “Nếu chúng ta thấy được rằng chúng ta và các loài sinh vật khác đều có chung một bản thể thì đâu có sự chia cách hay phân biệt, chúng ta sẽ sống chung hòa bình với mọi loài và thiên nhiên” (Thích Nhất Hạnh, 2010: 61).

Để thay đổi một việc gì không phải là điều dễ dàng vì để lại tác động lâu dài nhất đó là tác động đến tình cảm, trí óc con người. Văn học có khả năng làm được và làm rất tốt điều đó. Với những điều đã làm được, tin chắc rằng truyện ngắn Nam Bộ sẽ tiếp tục góp thêm tiếng nói mạnh mẽ, nhiệt huyết cho những vấn đề môi sinh.

Tài liệu tham khảo

- Thích Minh Châu dịch (1996). *Đại Tạng kinh Việt Nam, Kinh Tăng chi bộ*. Hà Nội, Nxb Tôn giáo.
- Thích Minh Châu dịch (1999). *Đại Tạng kinh Việt Nam, Kinh Tiểu bộ, tập I*. Hà Nội, Nxb Tôn giáo.
- Darlington, S. M. (2013). *The Ordination of a Tree: The Thai Buddhist Environmental Movement*. Suny Press.
- Thích Nhuận Đạt (2010). *Đạo Phật và Môi trường*. Tp. Hồ Chí Minh, Nxb Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh.
- Trần Bảo Định (2016). *Đời bọt hung*. Tp. Hồ Chí Minh, Nxb Văn hóa – Văn nghệ.
- Trần Bảo Định (2018). *Bông trái quê nhà*. Tp. Hồ Chí Minh, Nxb Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh.
- Nguyễn Đăng Điệp (2018). Đô thị, môi trường và nhân tính trong văn học Việt Nam đương đại. *Tạp chí Nghiên cứu Văn học*, số 11/2018, 7.

- Thích Nhất Hạnh (2010). *Hướng đi của Đạo Phật cho hòa bình và môi sinh*. Tp. Hồ Chí Minh, Nxb Phương Đông.
- Giao Hào (tổng hợp) (2018). “Nhà sư sinh thái” - Nỗ lực của Phật giáo trong việc bảo vệ môi trường tại Thái Lan. *Báo Giác Ngộ*, số 968, ngày 5/10/2018, 17 – 18.
- Đỗ Lan Hiền (2017). Tôn giáo học sinh thái – Thực tiễn trên thế giới và ở Việt Nam hiện nay. *Tạp chí Lý luận chính trị*, số 7. <http://lyluanchinhtri.vn/home/index.php/dien-dan/item/2361-ton-giao-hoc-sinh-thai-thuc-tien-tren-the-gioi-va-o-viet-nam-hien-nay.html>. Truy cập online ngày: 24/01/2018.
- Keown, D. (2013). *Buddhism: A Very Short Introduction*. Thái An dịch (2016). *Dẫn luận về Phật giáo*. Hà Nội, Nxb Hồng Đức.
- Vương Nặc (2003). *Âu Mỹ sinh thái văn học*. Bắc Kinh xuất bản xã.
- Nguyễn Vĩnh Nguyên (2005). *Năm mươi mốt năm hai mươi*. Hà Nội, Nxb Hội Nhà văn.
- Lê Minh Nhật (2011). *Những đám mây bốc cháy*. Tp. Hồ Chí Minh, Nxb Văn hóa – Văn nghệ.
- Thanh Phong dịch (2015). *Những câu nói đáng suy ngẫm về cuộc sống loài người của thổ dân da đỏ*. Nguồn: <http://chuaadida.com/chi-tiet-nhung-cau-noi-dang-suy-ngam-ve-cuoc-song-loai-nguoi-cua-tho-dan-da-do-4074/>. Truy cập online ngày: 25/09/2019.
- Huỳnh Như Phương (2018). *Bông trái quê nhà*. Tp. Hồ Chí Minh, Nxb Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh.
- Smart, N. (1998). *The World's Religions* (2nd Ed.). United Kingdom: Cambridge University Press.
- Spalding, T. B. (-). *Journey to the East* (Bien Giang and Poven Leace trans., 2009). *Hành trình về phương Đông* (Nguyễn Phong dịch, 2015). Hà Nội, Nxb Hồng Đức.
- Võ Diệu Thanh (2016). *Con nước say mèm*. Tp. Hồ Chí Minh, Nxb Trẻ.
- Thích Đức Thắng dịch (1993). *Đại Tạng kinh Việt Nam, Kinh Tạp A Hàm, quyển 1*. Tp. Hồ Chí Minh, Viện nghiên cứu Phật học.
- Nguyễn Huy Thiệp (2013). *Tình yêu, tội ác và trừng phạt*. Tp. Hồ Chí Minh, Nxb Trẻ.
- Nguyễn Thị Tịnh Thy (2017). *Rừng khô, suối cạn, biển độc... và văn chương*. Hà Nội, Nxb Khoa học Xã hội.
- Nguyễn Trí (2014). *Bãi vàng, đá quý, trầm hương*. Tp. Hồ Chí Minh, Nxb Trẻ.
- Bùi Thanh Truyền (chủ biên) (2018). *Phê bình sinh thái với văn xuôi Nam Bộ*. Tp. Hồ Chí Minh, Nxb Văn hóa – Văn nghệ.
- Nguyễn Ngọc Tư (2005). *Cánh đồng bất tận*. Tp. Hồ Chí Minh, Nxb Trẻ.
- Nguyễn Ngọc Tư (2017). *Khói trời lộng lẫy* (tái bản lần thứ nhất). Tp. Hồ Chí Minh, Nxb Trẻ.